

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Thái

2. Ông Lương Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hồng Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Hương Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 11 năm 2017 và Thông báo mở lại phiên tòa số 25/TB-TA ngày 29/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị T – sinh năm 1993. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Thôn 2, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn N – sinh năm 1989. Vắng mặt

Địa chỉ cư trú: Thôn B, xã C, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-10-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn, chị Nông Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Hoàng Văn N trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02-12-2011 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh N thường xuyên uống rượu về đánh, chửi chị. Mặc dù hai bên cùng với gia đình hòa giải nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Đến đầu năm 2013 chị đã về

nhà bố mẹ đẻ tại thôn 2, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh N không còn và có nguyện vọng xin ly hôn với anh Hoàng Văn N.

Về nuôi con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thị Thu N, sinh ngày 07-5-2012. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Hoàng Văn N không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Kết quả xác minh qua gia đình anh Hoàng Văn N cho thấy: Chị Nông Thị T và anh Hoàng Văn N kết hôn vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn chị T chuyển về sinh sống với anh N tại thôn B, xã C, huyện Yên Bình. Đến đầu năm 2013 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 2, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang sinh sống và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn liên lạc với nhau nữa. Chị T và anh N có 01 con chung là Hoàng Thị Thu N, sinh ngày 07-5-2012, sau khi ly thân cháu N ở với chị T. Không xác định được tài sản chung, nợ chung của chị T và anh N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Nông Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn N và giao cháu Hoàng Thị Thu N, sinh ngày 07-5-2012 cho T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 hoặc khi có thay đổi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Hoàng Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã C, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Nông Thị T và anh Hoàng Văn N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 02-12-2011, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Mặc dù vợ chồng cùng hai

bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được tình cảm vợ chồng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Thực tế tình trạng chung sống của chị T và anh N đã được gia đình anh N xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án, anh N không có mặt, thể hiện anh N không có thiện chí hòa giải. Từ đó có căn cứ cho thấy đời sống chung giữa chị Nông Thị T và anh N không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị Nông Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn N.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thị Thu N, sinh ngày 07-5-2012, hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của chị T là chính đáng, có căn cứ và phù hợp với thực tế. Mặt khác anh N không có thiện chí và không hợp tác và không có ý kiến về phần con chung nên cần giao cháu Hoàng Thị Thu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung*: Chị Nông Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. *Về hôn nhân*: Chị Nông Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn N.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Hoàng Thị Thu N, sinh ngày 07-5-2012 cho chị Nông Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. *Về án phí*: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 05246 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình (Chị T đã nộp đủ án phí).

Chị Nông Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Hoàng Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THA dân sự huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã C ;
- Lưu HS,TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Lê Thị Thanh Nga

